TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2019/DS-PT
Ngày: 07-11-2019
V/v T/c về HĐ hụi; HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Phạm Phước Thiền

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Tuyến, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp về HĐ hụi và HĐ vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 318/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị G, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện T, tỉnh L.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị X, sinh năm 1970 (*có yêu cầu phản tố)* và ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện T, tỉnh L. Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn U là bà Lê Thị X.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971.

2. Bà Huỳnh Thị L1, sinh 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Hậu M, huyện C, tỉnh T.

3. Ông Võ Văn B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện T, tỉnh L.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

(Bà G, bà X có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2018, quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị G trình bày tóm tắt như sau: Bà G là hụi viên tham gia các dây hụi do bà Lê Thị X, ông Huỳnh Văn U làm đầu thảo, cụ thể gồm: Dây hụi mùa 10.000.000 đồng khui vào ngày 01/02/2014 (AL), 03 tháng khui hụi một lần, dây hụi này có 14 hụi viên, bà G tham gia 01 phần, dây hụi này đã mãn vào tháng 5 năm 2018 và bà G đã góp được 13 lần hụi sống, mỗi lần đóng hụi sống bà G có đóng cho bà X là 6.500.000 đồng, bà G là người hốt hụi chót. Do các dây hụi do bà X, ông U làm đầu thảo đều bị vỡ hụi nhưng bà X, ông U chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà giang. Nay bà G khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị X và ông Huỳnh Văn U liên đới hoàn trả số tiền hụi là 130.000.000 đồng. Bà G không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà X về việc khấu trừ 26 chỉ vàng 24k (vàng nhận theo giá thị trường) cùng với 19.600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền 19.600.000 đồng tính từ ngày 03/11/2014 (AL) cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất là 1%/ tháng. Bà G xác định biên nhận nợ ngày 03/11/2014 là giữa ông Nguyễn Văn B, bà Huỳnh Thị L1 với ông Nguyễn Văn L, bà không biết và cũng không liên quan đến số vàng và tiền này.

Bị đơn Lê Thị X (bà X còn là đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn U) trình bày: Bà X có làm đầu thảo của dây hụi 10.000.000 đồng, bà G là hụi viên, dây hụi khui vào vụ Đông – Xuân năm 2014, một năm khui ba lần có 17 hụi viên, bà G tham gia một phần; dây hụi này đến vụ Hè – Thu năm 2019 mới mãn hụi. Bà G đã đóng được 13 kỳ hụi sống mỗi lần đóng là 6.500.000 đồng, thành tiền là 84.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 130.000.000 đồng. Vụ Đông - Xuân năm 2018 bà G tự động ngưng không góp các phần hụi còn lại cho bà X. Nay bà G yêu cầu bà X và ông U trả số tiền hụi 130.000.000 đồng, bà X đồng ý với yêu cầu của bà G nhưng sẽ trả số tiền hụi khi mãn dây hụi này vào tháng 6 năm 2019. Ngoài ra, bà X có yêu cầu phản tố đối với bà G như sau: Bà X yêu cầu bà G trả 26 chỉ vàng 24Kr (vàng nhận theo giá thị trường) và 19.600.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi của số tiền 19.600.000 đồng tính từ ngày 03/11/2014 (AL) cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất là 1 %/ tháng. Lý do yêu cầu phản tố: Do trước đây bà Huỳnh Thị L1 và ông Nguyễn Văn L có đến hỏi vay tiền của bà X nhưng trước đó ông L, bà L1 có vay của bà X nhưng chưa trả, nên bà X không cho ông L, bà L1 vay tiền nữa. Do đó, bà X có nói sẽ vay tiền bà G dùm cho bà L1 (do bà L1 và ông L là xui của bà G) và bà G cũng đồng ý cho bà L1 và ông L vay. Sau khi thỏa thuận với bà G và bà L1 xong, bà X có đưa cho bà L1 số vàng là 26 chỉ vàng 24Kr và số tiền là 19.600.000 đồng. Bà L1, ông L đã viết biên nhận nợ ngày 03/11/2014 có ông L, bà L1 và ông B ký tên trong biên nhận, biên nhận này bà G giao lại biên nhận nợ cho bà X cất giữ cho đến nay. Đến vụ ba năm 2017, bà X có gặp bà L1 thì bà L1 nói đã trả tiền cho bà G rồi. Bà X có gặp bà G để hỏi về số tiền của bà L1 và bà X có nói nếu bà G không trả lại số tiền mà bà L1 đã vay thì bà X hốt hụi của bà G trừ vào số tiền của bà L1 đã vay, bà G không có ý kiến gì nên bà X đã hốt hụi của bà G.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An tổ chức hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành, nên đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 288, 357, 471, 463, 466, Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G và yêu cầu phản tố của bà Lê Thị X.

Buộc bà Lê Thị X và ông Huỳnh Văn U liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị G số tiền là 3.800.000 đồng.

Đối với số tiền trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền vào thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 30/8/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ban hành Quyết định kháng nghị số 352/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các đương sự trình bày ý kiến như sau:

Bà Lê Thị X không đồng ý với kháng nghị của Viện Kiểm sát. Bà X cho rằng ông B thừa nhận đã nhận 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000 đồng từ ông L, bà L1 thì ông B, bà G phải có nghĩa vụ trả lại cho bà. Bà X cũng xác định không có giấy tờ thể hiện bà trực tiếp giao 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000 đồng cho bà G hay ông L, bà L1. Đối với khoản tiền chi phí xác minh tại cấp sơ thẩm là 2.400.000 đồng là do bà tự nguyện chịu, việc án sơ thẩm không đề cập trong bản án, bà không có ý kiến gì.

Bà Lê Thị G đồng ý với kháng nghị của Viện Kiểm sát, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà X.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An được thực hiện đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án: Hồ sơ vụ án không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có việc bà X giao 26 chỉ vàng 24Kr và số tiền 19.600.000 đồng cho bà G hay ông L, bà L1; Biên nhận ngày 03/11/2014AL cũng không có nội dung nào thể hiện bà X cho ông L, bà L1 vay 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000 đồng. Các bản khai của ông B cũng không có

nội dung nào thừa nhận có vay của bà X 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000 đồng như bà X trình bày. Từ đó, cho thấy kháng nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận phản tố của bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An được thực hiện đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đề nghị sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị X về việc buộc bà Lê Thị G, ông Võ Văn B trả cho bà X 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000 đồng theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 04/9/2018, bà Lê Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Lê Thị X, Huỳnh Văn U phải trả số tiền nợ hụi là 130.000.000đ. Ngày 25/10/2018, bà Lê Thị X có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị G phải trả cho bà 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G, bản án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ và buộc bà X, ông U liên đới trách nhiệm hoàn trả cho bà G số tiền nợ hụi là 130.000.000đ, nội dung này của án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị, nên đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bà X, xét thấy: Tại đơn phản tố ngày 25/10/2018 (bút lục 16), bà X xác định căn cứ khởi kiện là: *"Năm 2014, vợ chồng anh L, chị L1 có hỏi tôi vay tiền, vàng nhưng do vợ chồng anh L, chị L1 còn nợ vay của tôi, tôi không muốn đứng ra cho vay tiếp. Chị G là chị bạn thân thích cùng xóm với tôi nên tôi nhờ chị G đứng tên cho vay giùm tôi bằng cách,* ***tôi đưa cho chị G 26 chỉ vàng 24Kr của tiệm vàng Phan Ngọc ở Cai Lậy và 19.600.000 đồng để chị G đưa cho vợ chồng anh L, chị L1 vay*** *với lãi suất vàng 50.000đồng/chỉ, tiền 30.000đồng/triệu, thời hạn không xác định, vợ chồng anh L, chị L1 lập giấy biên nhận với chị G, anh B (chồng chị G) ngày 03/11AL năm 2014 làm cơ sở, giấy biên nhận do tôi cất giữ. Từ ngày vay đến nay anh L, chị L1 không có trả lãi cho tôi và vụ 3 năm 2017 anh L, chị L1 đã trả 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000 đồng cho chị G, nhưng chị G chưa đưa tiền vàng lại cho tôi".* Bà X còn cung cấp *"Biên nhận ngày 03/11/2014 AL"* (bút lục 125) để làm chứng cứ. Đến ngày 23/11/2018, bà X lại có đơn phản tố bổ sung (bút lục 40) có nội dung khác với đơn phản tố ngày 25/10/2018 tại đoạn *"Sau khi thỏa thuận với chị G và chị L1 xong, tôi đưa cho chị L1 số vàng 26 chỉ vàng 24Kr và số tiền 19.600.000 đồng"* và đoạn *"Vừa qua, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh có cung cấp cho tôi tờ tự khai của ông B (chồng chị G) xác định 26 chỉ vàng 24Kr và số tiền 19.600.000 đồng, vợ chồng anh L, chị L1 đã trả cho ông B xong"*. Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của bà X về việc có cho vợ chồng ông Lập, bà L1 vay 26 chỉ vàng 24Kr và 19.600.000 đồng vào ngày 03/11/2014 AL thông qua bà G là không có cơ sở. Bởi lẽ, bà X không có chứng cứ chứng minh việc bà đã giao số vàng, tiền trên cho bà G hay bà L1, ông L. Khi thì bà X xác định giao trực tiếp vàng, tiền cho bà G, khi thì trình bày đưa cho bà L1. Trong khi *"Biên nhận ngày 03/11/2014 AL"* không có nội dung nào thể hiện bà G hay vợ chồng ông L, bà L1 vay tiền, vàng của bà X, cũng không có nội dung nào thể hiện bà X đưa vàng, tiền cho bà G để bà G cho vợ chồng ông L, bà L1 vay. Mặt khác, vợ chồng ông L, bà L1 cũng không thừa nhận có việc vay vàng,

tiền của bà X theo biên nhận ngày 03/11/2014AL *(biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2018, bút lục 135)*. Theo các tài liệu do Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cung cấp thể hiện tháng 8/2017, bà X đã kiện ông L, bà L1 đòi 30 chỉ vàng 24Kr và 83.300.000 đồng và Tòa án đã công nhận sự thỏa thuận của 02 bên về việc trả nợ. Ngoài ra, tại bản khai ngày 16/8/2017, ông L, bà L1 đã thống nhất xác định chỉ nợ bà X 30 chỉ vàng 24Kr và 83.300.000 đồng theo các giấy nợ ngày 04/8/2015 và 10/9/2016, không còn thiếu khoản nợ nào khác. Điều đó, cho thấy lời trình bày của bà X về việc cho rằng trước ngày 03/11/2014AL do ông L, bà L1 còn thiếu nợ bà chưa trả, nên ngày 03/11/2014AL bà không dám cho vay tiếp mà phải nhờ bà G đứng tên cho vay là không đúng sự thật.

[2.3] Từ những phân tích trên, cho thấy kháng nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần án sơ thẩm liên quan đến nội dung phản tố của bà X cũng như cách tuyên án và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

[2.4] Đối với khoản tiền chi phí xác minh ở cấp sơ thẩm là 2.400.000 đồng, không được quyết định trong bản án sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm, bà X xác định việc xác minh này do bà yêu cầu, bà tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và không có ý kiến gì về việc án sơ thẩm không ghi nhận trong bản án, nên cấp phúc thẩm không xem xét lại, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến yêu cầu phản tố: Bà Lê Thị X phải chịu toàn bộ do yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà X phải nộp là 6.310.000 đồng. Bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến yêu cầu phản tố của bà X.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G. Buộc bà Lê Thị X, ông Huỳnh Văn U liên đới trách nhiệm trả cho bà Lê Thị G số tiền nợ hụi là 130.000.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị X về việc đòi bà Lê Thị G, ông Võ Văn B liên đới trách nhiệm trả 26 chỉ vàng 24Kr *(quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 106.600.000 đồng)* và 19.600.000 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị X, ông Huỳnh Văn U liên đới trách nhiệm nộp 6.500.000 đồng án phí sung Ngân sách Nhà nước *(án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà G được Tòa án chấp nhận)*.

- Buộc bà Lê Thị X có trách nhiệm nộp 6.310.000 đồng án phí sung Ngân sách Nhà nước *(án phí phần phản tố của bà X không được chấp nhận)*. Chuyển số tiền 2.235.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Xuân đã nộp theo biên lai thu số 0004165 ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sang thi hành án phí dân sự sơ thẩm phản tố cho bà X, nên bà X còn phải nộp tiếp số tiền 4.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000đ theo biên lai thu số 0004164 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Khánh